

Bản án số: 143/2024/DS-PT
Ngày 23 - 02 - 2024
Về việc tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 507/2023/DS-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2024/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2024/QĐPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Bảo T, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996; (Theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2023). (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phòng Xuân M, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1969; (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường N, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; (theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2024);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Trương Phạm Công B, sinh năm 1996; (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phòng Xuân M1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Phạm Công B trình bày:

Vào ngày 30/09/2022 ông Huỳnh Bảo T có ký “Hợp đồng mua bán giống cây mít” cho ông Phòng Xuân M1 gồm: mít ruột đỏ lá bầu là 6000 cây, mít thái 8000 cây với giá 11.000 đồng/cây. Tổng giá trị hợp đồng là 154.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa các bên, việc thực hiện hợp đồng được chia làm 02 đợt:

Đợt 1 được tính từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023, hai bên thỏa thuận ông M1 sẽ đặt cọc cho ông T với số tiền là 46.200.000 đồng (tương đương 30% giá trị hợp đồng). Ông T đã nhận đủ số tiền cọc này (nhận vào ngày 30/09/2022).

Đợt 2 ông T sẽ giao số cây còn lại cho ông M1 từ ngày 20/01/2023 đến ngày 30/01/2023.

Sau khi nhận cọc xong, đến giai đoạn giao mít đợt 1 (27/12/2022 đến ngày 05/01/2023) phía ông T đã giao cho ông M1 732 cây (không nhớ loại mít nào) vào ngày 29/12/2022 với số tiền 8.052.000 đồng. Ông M1 đã trả số tiền này cho ông T. Do số lượng mít còn lại không đạt tiêu chuẩn theo như hợp đồng nên ông T thỏa thuận trả lại cho ông M1 số tiền cọc là 30.000.000 đồng và hai bên thỏa thuận gia hạn thêm thời gian giao mít của đợt 1 đến ngày 10/02/2023. Sau đó, ngày 16/01/2023 ông T giao t cho ông M1 924 cây với số tiền 10.164.000 đồng và đã nhận đủ tiền bằng hình thức chuyển khoản.

Đến giai đoạn giao mít của đợt 2, vào ngày 06/02/2023 ông T đã giao cho ông M1 6005 cây với số tiền là 66.055.000 đồng nhưng ông M1 không thanh toán số tiền này cho ông T. Mặc dù ông T đã nhiều lần yêu cầu ông M1 thanh toán số tiền này nhưng ông M1 vẫn không thực hiện, trong khi theo thỏa thuận mỗi lần giao cây là phải thanh toán đủ số tiền/số cây đã nhận, còn tiền cọc sẽ được khấu trừ ở lần giao cây sau cùng. Do ông M1 không trả số tiền cây giống đã nhận là

66.055.000 đồng nên ông T không thể giao tiếp số lượng cây giống còn lại cho ông M1 theo hợp đồng được. Việc ông M1 không trả tiền cây giống đã nhận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mà hai bên ký kết. Vì vậy nay ông T yêu cầu hủy toàn bộ hợp đồng mua bán cây mít giống ngày 30/09/2022 giữa ông T với ông M1, đồng thời yêu cầu ông M1 phải trả số tiền cây giống đã nhận là 66.055.000 đồng. Do ông T đang còn giữ số tiền cọc là 16.200.000 đồng, nên sau khi khấu trừ số tiền cọc này thì số tiền còn lại ông T yêu cầu ông M1 phải trả là 49.855.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Sử Văn N trình bày:

Phía bị đơn thừa nhận vào ngày 30/09/2022 giữa ông Phòng Xuân M1 và ông Huỳnh Bảo T có ký “Hợp đồng mua bán giống cây mít”. Theo hợp đồng, ngày 30/09/2022 ông M1 đã giao đủ cho ông T số tiền là 46.200.000 đồng. Đến ngày giao cây theo đợt 1 (Từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023), vào ngày 29/12/2022 ông T có giao cho ông M1 732 cây mít T2 siêu sớm với số tiền là 8.052.000 đồng, đến ngày 16/01/2023 ông Tâm giao t cho ông M1 924 cây mít ruột đỏ lá bầu với số tiền 10.164.000 đồng (đã trễ 11 ngày) theo hợp đồng nhưng ông M1 vẫn chấp nhận và thanh toán đủ tiền cho ông T bằng hình thức chuyển khoản (sau khi hai bên đã thống nhất số lượng cây giao nhận). Tuy nhiên, về số lượng cây theo thỏa thuận phải giao trong đợt 1 là chưa đủ (phải giao tổng cộng 4.200 cây mới đủ nhưng chỉ giao được có 1.656 cây). Phía ông T biết mình có lỗi nên mới xin ông M1 cho gia hạn và hứa giao đầy đủ số lượng cây (chưa giao theo hợp đồng) cho ông M1 và để khắc phục việc này ông T tự nguyện trả lại cho ông M1 30.000.000 đồng số tiền đã nhận của ông M1, chỉ giữ lại 16.200.000 đồng. Phía ông M1 cũng đồng ý gia hạn cho ông T, đồng ý cho ông Tâm g đầy đủ số lượng cây của đợt 1 vào đợt 2 và đồng ý nhận lại số tiền cọc 30.000.000 đồng.

Đến giai đoạn đợt 2 (từ ngày 20/01/2023 đến ngày 30/01/2023), theo hợp đồng thì ông T phải có nghĩa vụ giao toàn bộ số lượng cây còn lại nhưng ông T lại không có đủ cây giống để giao nên ông T tiếp tục xin gia hạn đến ngày 10/02/2023 sẽ giao 5000 cây mít siêu sớm, còn lại bao nhiêu sẽ giao đầy đủ vào ngày 01/03/2023. Việc này cũng được phía ông M1 đồng ý. Đến ngày 02/02/2023 ông Tâm g được cho ông M1 6305 cây đạt chuẩn, ông M1 chở được 6005 cây, còn gửi lại cho ông T 300 cây. Trong 6005 cây đã chở đi có 4965 cây mít thái siêu sớm, 1040 cây mít Indo ruột đỏ (còn gọi là mít ruột đỏ lá bầu). Sau khi chở 6005 cây về nhà thì cũng ngay trong ngày 02/02/2023 ông M1 có mang 20 cây mít (trong số 6005 cây đã chở về) đến gặp ông T để xin đổi lại (do không đạt chuẩn) nhưng ông T không cho và hai bên có phát sinh cự cãi, rồi ông T dùng cây đập tiêu hết 20 cây mít xin đổi lại này. Thấy vậy, ông M1 bỏ về, qua ngày sau ông M1

xuống chở 300 cây còn lại nhưng ông T cũng không cho chở. Sau đó, hai bên có liên hệ qua lại với nhau bằng điện thoại để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không thống nhất được. Đến ngày 06/02/2023 ông T đến nhà ông M1 yêu cầu ông M1 trả tiền và có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm ông M1. Ông M1 đồng ý trả tiền nhưng yêu cầu phải ra UBND xã P để có sự chứng kiến của chính quyền địa phương về việc ông M1 trả số tiền đối với số cây giống đã chở, còn ông T phải cam kết giao đủ số lượng cây giống theo như hợp đồng. Do phía ông T không đồng ý nên ngày 08/02/2023 ông M1 gửi đơn ra UBND xã P yêu cầu giải quyết, đến ngày 23/02/2023 mới được UBND xã P mời hòa giải nhưng không thành và vụ việc tranh chấp từ đó đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, ông M1 không đồng ý; đồng thời ông M1 cho rằng ông T là người vi phạm hợp đồng nên ông M1 có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu ông Huỳnh Bảo T phải bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng, toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 x 11.000). Tổng cộng là 77.429.000 đồng. Ông M1 đồng ý trả cho ông T số tiền cây đã nhận, sau khi trừ đi số tiền đã giao trước đó là 16.200.000 đồng.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách quyết định:

Căn cứ vào các Điều 423, 424, 427, 430, 431, 432, 433, 434, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phòng Xuân M1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Bảo T bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng mua bán giống mít toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 x 11.000). Tổng cộng là 77.429.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bảo T đối với ông Phòng Xuân M1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Cụ thể tuyên:

Hủy “Hợp đồng mua bán giống cây mít” ngày 30/09/2022 giữa ông Huỳnh Bảo T với ông Phòng Xuân M1.

Buộc ông Phòng Xuân M1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Bảo T số tiền là 49.855.000đ (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, bị đơn ông Phòng Xuân M1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, buộc ông Huỳnh Bảo T phải bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng mua bán giống mít toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 cây x 11.000 đồng/cây). Tổng cộng là 77.429.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phòng Xuân M1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn ông Huỳnh Bảo T không đồng ý kháng cáo của ông M1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phòng Xuân M1; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Phòng Xuân M1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Phòng Xuân M1 kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Huỳnh Bảo T yêu cầu hủy “Hợp đồng mua bán giống cây mít” ngày 30/09/2022 với ông Phòng Xuân M1; đồng thời yêu cầu ông M1 trả cho ông số tiền mua cây giống còn nợ là 49.855.000 đồng (sau khi đã trừ tiền cọc là 16.200.000 đồng). Bị đơn ông Phòng Xuân M1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời có đơn phản tố yêu cầu

ông Huỳnh Bảo T bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng mua bán giống mít toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 x 11.000). Tổng cộng là 77.429.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T, không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M1. Không đồng ý bản án sơ thẩm nên ông M1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phòng Xuân M1:

[3.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Bảo T và bị đơn ông Phòng Xuân M1 đều thừa nhận vào ngày 30/09/2022 giữa các bên có ký “Hợp đồng mua bán giống cây mít”. Hợp đồng được lập thành văn bản, được các bên tự nguyện ký kết, nội dung hợp đồng có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 398 của Bộ luật Dân sự năm 2015, không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên hợp đồng này được xác định là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[3.2] Căn cứ theo “Hợp đồng mua bán giống cây mít” ngày 30/09/2022 giữa ông M1 là bên mua (bên A), còn ông T là bên bán (bên B). Theo thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng thì ông T có nghĩa vụ cung cấp cho ông M1 giống mít ruột đỏ là 6000 cây, giống mít thái là 8000 cây với giá 11.000 đồng/cây. Tổng giá trị hợp đồng là 154.000.000 đồng. Về tiêu chuẩn cây giống, phương thức thanh toán, thời hạn thực hiện, thời gian giao nhận hàng hóa, quyền và nghĩa vụ của các bên, thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng cũng như việc giải quyết tranh chấp khi có phát sinh được các bên thống nhất tại các điều 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 của hợp đồng.

[3.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 30/09/2022 ông M1 đã giao đủ cho ông T số tiền là 46.200.000 đồng theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 3 của hợp đồng. Đến ngày giao cây theo đợt 1 (trong khoảng thời gian từ ngày 27/12/2022 đến ngày 05/01/2023) thì vào ngày 29/12/2022 ông T đã giao cho ông M1 732 cây mít T2 siêu sớm với số tiền là 8.052.000 đồng, đến ngày 16/01/2023 ông T giao cho ông M1 924 cây mít ruột đỏ lá bầu với số tiền là 10.164.000 đồng (đã trễ 11 ngày) theo hợp đồng nhưng ông M1 vẫn chấp nhận và thanh toán đủ tiền cho ông T bằng hình thức chuyển khoản (sau khi hai bên đã thống nhất số lượng cây giao nhận). Tuy nhiên, về số lượng cây theo thỏa thuận phải giao trong đợt 1 là chưa đủ (phải giao tổng cộng 4.200 cây mới đủ nhưng chỉ giao được có 1.656 cây). Phía ông T biết mình có lỗi nên mới xin ông M1 cho gia hạn và hứa giao đầy đủ số lượng cây (chưa giao theo hợp đồng) cho ông M1 và để khắc phục việc này ông T tự nguyện trả lại cho ông M1 số tiền 30.000.000 đồng của số tiền đã nhận, ông T chỉ giữ lại 16.200.000 đồng. Phía ông M1 cũng đồng ý gia hạn

cho ông T, đồng ý cho ông Tâm g đầy đủ số lượng cây của đợt 1 vào đợt 2 và đồng ý nhận lại số tiền cọc 30.000.000 đồng.

[3.4] Đến giai đoạn đợt 2 (từ ngày 20/01/2023 đến ngày 30/01/2023), theo hợp đồng thì ông T phải có nghĩa vụ giao toàn bộ số lượng cây còn lại nhưng ông T lại không có đủ cây giống để giao nên ông T tiếp tục xin gia hạn đến ngày 10/02/2023 sẽ giao 5000 cây mít siêu sớm, còn lại bao nhiêu sẽ giao đầy đủ vào ngày 01/03/2023, điều này đã được ông M1 đồng ý. Ông T cho rằng vào ngày 06/02/2023 ông đã giao cho ông M1 6005 cây mít giống với số tiền là 66.055.000 đồng nhưng ông M1 không thanh toán số tiền này cho ông, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông M1 thanh toán số tiền này nhưng ông M1 vẫn không thực hiện nên ông T không đồng ý giao cây tiếp. Ông M1 thì cho rằng vào ngày 02/02/2023 ông Tâm g được cho ông M1 6305 cây đạt chuẩn, ông M1 chở được 6005 cây, còn gửi lại cho ông T 300 cây. Sau khi chở 6005 cây về nhà thì cũng ngay trong ngày 02/02/2023 ông M1 có mang 20 cây mít (trong số 6005 cây đã chở về) đến gặp ông T để xin đổi lại (do không đạt chuẩn) nhưng ông T không cho và hai bên có phát sinh cự cãi, rồi ông T dùng cây đập tiêu hết 20 cây mít xin đổi lại này. Thấy vậy, ông M1 bỏ về, qua ngày sau ông M1 xuống chở 300 cây còn lại nhưng ông T cũng không cho chở. Sau đó, hai bên có liên hệ qua lại với nhau bằng điện thoại để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng không thống nhất được. Đến ngày 06/02/2023 ông T đến nhà ông M1 yêu cầu ông M1 trả tiền và có những lời lẽ chửi bới, xúc phạm ông M1. Sau đó ông M1 gửi đơn ra UBND xã P yêu cầu giải quyết. Tại buổi hòa giải, ông M1 đồng ý trả tiền nhưng yêu cầu ông T phải ra UBND xã P để có sự chứng kiến của chính quyền địa phương về việc ông M1 trả số tiền đối với số cây giống đã nhận, còn ông T phải cam kết giao đủ số lượng cây giống theo như hợp đồng. Phía ông T thì cho rằng ông M1 nói đồng ý trả tiền nhưng không có giao tiền mặt cũng không có chuyển khoản. Do ông M1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông T không đồng ý giao cây tiếp.

[3.5] Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng khi ông Tâm g cây cho ông M1 thì ông M1 thanh toán tiền đầy đủ trên số lượng cây đã nhận cho ông T bằng hình thức chuyển khoản (sau khi hai bên đã thống nhất số lượng cây giao nhận). Mặt khác, tại khoản 3 Điều 8 của hợp đồng hai bên có thỏa thuận “*Nếu bên A nhận hàng đã đúng, chất lượng nhưng bên A chậm thanh toán cho bên B quá 05 ngày làm việc hoặc không có thông báo được bên B chấp thuận thì bên A sẽ bị áp dụng lãi phạt chậm trả theo lãi suất của ngân hàng V tính đến thời điểm hoàn tất thanh toán*”. Vì vậy, lời trình bày của ông T về việc giữa hai bên có thỏa thuận mỗi lần giao cây là phải thanh toán đủ số tiền/số cây đã nhận là có căn cứ. Việc ông M1 sau khi đã nhận 6005 cây mít giống của ông T mà không thanh toán tiền cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo “Hợp đồng mua bán giống cây

mít” mà hai bên đã ký kết và theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm hủy toàn bộ hợp đồng mua bán cây mít giống ngày 30/09/2022 giữa ông T và ông M1, buộc ông M1 phải trả cho ông T giá trị cây giống đã nhận với số tiền 66.055.000 đồng là có căn cứ. Do ông T đang còn giữ số tiền cọc của ông M1 là 16.200.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền cọc thì ông M1 còn phải có nghĩa vụ trả tiếp cho ông T số tiền 49.855.000 đồng (66.055.000 đồng - 16.200.000 đồng) theo bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

[3.6] Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa trả tiền, nên lỗi trong trường hợp này thuộc về bị đơn. Việc bị đơn ông M1 yêu cầu ông T phải cam kết giao đủ số lượng cây theo như hợp đồng mới trả tiền là không phù hợp. Bởi lẽ “Hợp đồng mua bán giống cây mít” mà hai bên ký kết đã thỏa thuận rõ về thời gian giao nhận hàng hóa tại Điều 5 của hợp đồng. Ngoài ra, quá trình thực hiện hợp đồng hai bên cũng đã thỏa thuận lại về thời gian và số lượng giao cây của đợt hai, nếu ông T không thực hiện đúng thỏa thuận thì ông M1 có quyền phạt ông T vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận tại Điều 8 của hợp đồng hoặc khởi kiện ông T đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết. Vì vậy, việc ông M1 yêu cầu của ông T cam kết giao đủ số lượng cây mít giống mới trả tiền là không đúng theo thỏa thuận, trong khi ông đã nhận 6005 cây mít giống của ông T mà không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm hợp đồng. Lẽ ra, ông M1 phải trả tiền cho ông T xong, rồi sau đó nếu ông T không giao đủ số lượng cây mít giống cho ông theo như hợp đồng thì ông mới có quyền yêu cầu phạt ông T vi phạm hợp đồng. Do đó, kháng cáo của ông M1 về việc yêu cầu ông T bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng, toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 cây x 11.000 đồng/cây), tổng cộng là 77.429.000 đồng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, ông M1 kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo của M1 không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phòng Xuân M1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Phòng Xuân M1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phòng Xuân M1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 176/2023/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 423, 424, 427, 430, 431, 432, 433, 434, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bảo T đối với ông Phòng Xuân M1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Cụ thể:

1.1. Hủy “Hợp đồng mua bán giống cây mít” ngày 30/09/2022 giữa ông Huỳnh Bảo T với ông Phòng Xuân M1.

1.2. Buộc ông Phòng Xuân M1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Bảo T số tiền là 49.855.000 đồng (Bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phòng Xuân M1 về việc yêu cầu ông Huỳnh Bảo T bồi thường hợp đồng theo khoản 2 Điều 8: Vi phạm hợp đồng. Phạt 5% giá trị hợp đồng là 7.700.000 đồng (154.000.000 đồng x 5%) và bồi thường theo khoản 4 Điều 8 của hợp đồng mua bán giống mít toàn bộ thiệt hại là 69.729.000 đồng (6339 x 11.000). Tổng cộng là 77.429.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Phòng Xuân M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.663.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả lại cho ông Huỳnh Bảo T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.651.000đ (Một triệu sáu trăm mười một nghìn đồng) theo biên lai số 0001687

ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phòng Xuân M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007717 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt